

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-8-2022  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Phước Tâm;  
2. Bà Võ Thị Điệp;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp;

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2022 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Chị N và anh B qua mai mối và được gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới năm 2008. Chị N và anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp ngày 13/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với

nhau hạnh phúc nhưng sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 10 năm nay, trong thời gian ly thân này chị N có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn B.

- **Về con chung:** Chị N và anh B có 01 con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 18/01/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Anh N, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo văn bản ý kiến ngày 20/7/2022, bị đơn là anh Phạm Văn B trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Anh B thống nhất lời trình bày của chị N về việc hai người quen biết qua mai mối và được gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới năm 2008. Chị N và anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp ngày 13/10/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị N. Vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 10 năm nay, trong thời gian ly thân này vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nay, anh Phạm Văn B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

- **Về con chung:** Chị N và anh B có 01 con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 18/01/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh B đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Anh N, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị Nhung có đơn yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Phạm Văn B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N và anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 01 nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn B.

## **2. Về nội dung vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh B thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp ngày 13/10/2008, do đó hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp. Nay, đời sống chung giữa chị N và anh B phát sinh mâu thuẫn, chị N yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N

- **Về con chung:** Chị N và anh B có 01 con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 18/01/2006. Hiện nay, con chung Phạm Anh N hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, anh B đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 19/7/2022 con chung Phạm Anh N có nguyện vọng được sống với chị N. Do đó, giao con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 18/01/2006 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Do chị N là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị N và anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ

vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0009437 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn B.

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 18/01/2006. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009437 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Hà**